

XÂY DỰNG VÀ VẬN DỤNG MÔ HÌNH Z-SCORE TRONG QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI CÁC TRANG TRẠI SẢN XUẤT GIA CẦM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH

Nguyễn Thị Thu Trang^{1*}, Nguyễn Quốc Chính¹, Vũ Quốc Hưng²

¹*Khoa Kế toán và Quản trị Kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

²*Dự án Hà nội (DAHNI511), Đại học Xây dựng*

Email : nt2trang.kt@gmail.com*

Ngày gửi bài: 10.10.2016

Ngày chấp nhận: 10.01.2017

TÓM TẮT

Mô hình Z-Score đã được biết đến và áp dụng trong việc cung cấp chỉ số dự báo rủi ro của các doanh nghiệp. Mặc dù vậy quá trình áp dụng mô hình Z-Score vào trang trại sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp còn hạn chế. Nghiên cứu được tiến hành ở 220 trang trại sản xuất gia cầm tại tỉnh Thái Bình. Số liệu ban đầu được tách thành 5 nhóm chỉ tiêu cơ bản thông qua kỹ thuật phân tích thành phần chính (CPA) để làm cơ sở tính toán chỉ số Z-Score, với sự hỗ trợ phần mềm SPSS 20.0. Kết quả bước 1 xây dựng mô hình Z-Score cho các trang trại sản xuất gia cầm tại tỉnh Thái Bình. Trên cơ sở đó đã vận dụng mô hình này trên một huyện tại điểm nghiên cứu để tính tỷ trọng và phân vùng. Kết quả cho thấy 34% trang trại nằm trong vùng lành mạnh, 59% vùng chưa rõ ràng và 7% nằm trong vùng phá sản. Trên cơ sở này, nghiên cứu khuyến cáo các trang trại trên địa bàn tỉnh Thái Bình áp dụng đồng loạt các giải pháp: (1) Nâng cao nhận thức chủ trang trại về kỹ thuật, thị trường và rủi ro; (2) Tự bảo hiểm trong sản xuất; (3) Tiếp cận bảo hiểm nông nghiệp trong đảm bảo giống; (4) Liên kết giữa các nhà trong sản xuất, tiêu thụ đảm bảo điều tiết sản xuất sản phẩm để giảm nguy cơ phá sản.

Từ khóa: Quản trị rủi ro, mô hình Z-Score, trang trại.

Building and Applying The Z- Score Model in Risk Management of Poultry Production Farm in Thai Binh Province

ABSTRACT

Z-score model was well-known as an application for enterprises risk forecasting. Nevertheless, there has been few application and use of Z- score model in agricultural farms, including animal production farms. The survey was conducted on 220 poultry production farms in Thai Binh province using Principal Component Analysis (CPA) for technical analysis of five basic groups to calculate Z- score model, with the support of SPSS 20.0. The Z- score model was constructed for the poultry production farms in Thai Binh province. Besides, this research has applied the model on a district in the study to calculate the density and zoning. The results showed that 34% of farms were in the healthy zone, 59% in the unclear zone, and 7% in the bankruptcy zone. To reduce the risk of bankruptcy of farms in Thai Binh province, the following measures should be taken: (1) awareness raising about technical ranchers, markets and risks; (2) Self-insurance in the production; (3) Improving accessibility to agricultural insurance in animal stock assurance; and (4) production and consumption linkage to regulate production.

Keywords: The risk management, Z- Core model, farm.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nuôi gia cầm là một loại hình sản xuất phổ biến ở nước ta hiện nay với các mô hình như trang trại, xí nghiệp, doanh nghiệp. Để chăn nuôi thành công, ngoài con giống tốt, trang trại đạt tiêu

chuẩn, điều kiện dịch vụ chăn nuôi tốt, công thức khẩu phần thức ăn phù hợp thì việc nắm bắt tình hình thị trường, hạn chế rủi ro do thiên nhiên gây ra được rất nhiều chủ trang trại quan tâm.

Với đặc thù là tỉnh thuần nông thuộc đồng bằng Sông Hồng, Thái Bình hiện nay là tỉnh

duy nhất có tỉ trọng sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm đa số trong cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, do gia cầm chăn nuôi quy mô nông hộ nên nhỏ lẻ và phân tán. Số các hộ lập trang trại chăn nuôi theo hình thức gia công hoặc chăn nuôi công nghiệp quy mô lớn còn hạn chế do rủi ro cao. Chính vì vậy, dự báo khả năng xảy ra rủi ro phá sản luôn là một công việc cần thiết giúp các nhà quản trị có chính sách điều chỉnh hoạt động kinh doanh kịp thời. Bài viết dưới đây tập trung chủ yếu vào việc quản trị rủi ro trang trại sản xuất gia cầm trên địa bàn tỉnh trên cơ sở xây dựng và vận dụng mô hình Z-Score. Chính vì vậy mục đích của nghiên cứu này là xây dựng mô hình Z-Score cho các trang trại sản xuất gia cầm trên địa bàn tỉnh Thái Bình, trên cơ sở đó vận dụng mô hình và rút ra những bài học kinh nghiệm trong sản xuất gia cầm để giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro phá sản cho các trang trại trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập số liệu

2.1.1. Số liệu thứ cấp

Tìm hiểu, thu thập thông tin về mô hình Z-Score, quản trị rủi ro dựa trên các tài liệu, các công trình đã nghiên cứu trong và ngoài nước. Số liệu thứ cấp về thực tế tình hình sản xuất gia cầm của các trang trại được thu thập từ các báo cáo của phòng Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân huyện trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2.1.2. Thu thập thông tin sơ cấp

Dựa trên cách tiếp cận có sự tham gia, các đối tượng được lựa chọn điều tra bao gồm: Cán bộ chính quyền các cấp (tỉnh, huyện, xã); Cán bộ lãnh đạo nông nghiệp các cấp (Sở NN & PTNT và các đơn vị trực thuộc); Các trang trại liên quan đến sản xuất gia cầm trên địa bàn tỉnh. Theo công thức tính mẫu $n = N / (1 + N * e^2)$ (Browner and Newman, 1987), với toàn tỉnh Thái Bình có trên 734 trang trại chăn nuôi gia cầm thì số lượng mẫu 220 trang trại có thể đảm bảo tính đại diện ở mức độ tin cậy là 95%. Đề tài đã lựa chọn 61 gia trại, trang trại ở 3 xã An Bồi, Quang Minh và Hồng Tiến thuộc huyện Kiến

Xương làm điểm nghiên cứu vận dụng mô hình để tính chỉ số Z và phân vùng.

2.2. Phương pháp phân tích

Ngoài các phương pháp phân tích chủ yếu áp dụng trong nghiên cứu là phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh và phương pháp chuyên gia; nghiên cứu còn sử dụng phương pháp phân tích đánh giá thực trạng rủi ro tài chính, phương pháp dự báo, phương pháp thống kê phân biệt đa biến để nhằm thấy được thực trạng theo mô hình Z-Score của tác nhân tham gia đang phải đối diện, nhìn thấy nguyên nhân và hậu quả tác động với nhau ra sao và xác định phương hướng quản trị rủi ro chăn nuôi gia cầm trong thời gian tới.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Xây dựng mô hình Z - Score

Ban đầu sử dụng 15 chỉ tiêu rủi ro làm trang trại sản xuất rơi vào tình trạng khó khăn và căng thẳng, CPA đã sử dụng kỹ thuật phân tích thành phần chính sau đó rút gọn lại còn sử dụng 5 nhóm chỉ tiêu chính. Cụ thể, Z-Score (Altman, 2000) được tính với 5 nhóm chỉ tiêu cơ bản, gồm có: X1 (Rủi ro quy mô sử dụng vốn sản xuất), X2 (Rủi ro năng lực sản xuất), X3 (Rủi ro dịch bệnh), X4 (Rủi ro giống), X5 (Rủi ro về đầu ra) với kỳ vọng quan hệ cùng chiều với rủi ro phá sản. Trong đó các chỉ tiêu này được tính như sau:

$X1 = \text{Tổng số vốn lưu động sản xuất} / \text{Tổng tài sản}$; $X2 = \text{Lợi nhuận giữ lại} / \text{Tổng tài sản}$.

$X3 = \text{Tần suất xuất hiện dịch bệnh} * \text{Mức độ thiệt hại từ dịch bệnh}$; $X4 = \text{Chi phí phát sinh mua giống} / \text{Tổng tài sản}$; $X5 = \text{Doanh thu} / \text{Tổng tài sản}$.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê phân biệt đa biến với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 20.0. Trước khi tiến hành phân tích, nhóm nghiên cứu chia mẫu thành hai phần $Y = 0$ (Không có nguy cơ phá sản); $Y = 1$ (Có nguy cơ phá sản). Sau đó xác định các tham số của phương trình dưới đây, trong đó Z_{jk} là điểm Z phân biệt của hàm phân biệt j cho trang trại k ;

a là hệ số chặn, W_i là hệ số của biến giải thích X_i , X_{ik} là biến giải thích i cho trang trại k.

$$Z_{jk} = a + W_1 X_{1k} + W_2 X_{2k} + \dots + W_n X_{nk}$$

Điểm cắt được sử dụng để phân tách hai nhóm phân biệt được xác định theo công thức dưới đây, với Z_{cs} (Z cutting score), n_A và n_B lần lượt là số quan sát thuộc nhóm A (rủi ro phá sản thấp) và nhóm B (rủi ro phá sản cao). Khi đó, chúng ta sẽ hình thành ngưỡng phân định:

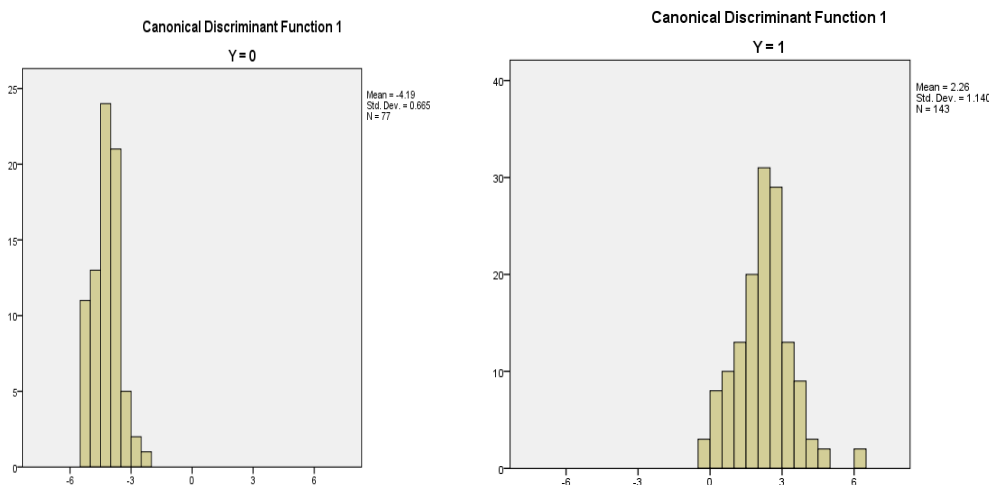
Doanh nghiệp có rủi ro phá sản thấp nếu $Z_{cs} > Z_A$; doanh nghiệp có rủi ro phá sản cao nếu $Z_{cs} > Z_B$ và doanh nghiệp trong diện bị cảnh báo nếu $Z_A \leq Z_{cs} \leq Z_B$. Sau khi phân tách 220 mẫu đã được chọn vào mẫu phân tích. Nghiên cứu đã thống kê cơ bản mẫu phân tích theo bảng 1.

Bảng 1 cho biết chỉ số trung bình và độ lệch chuẩn ở cả hai trường hợp có nguy cơ phá sản (143 mẫu) và không có nguy cơ phá sản (77 mẫu).

Bảng 1. Thống kê cơ bản về mẫu phân tích

Y		Trung bình	Độ lệch chuẩn
Y = 0; Không có nguy cơ phá sản ($n_1 = 77$)	X1	4,0819	0,55523
	X2	1,8474	0,72909
	X3	0,4669	0,26262
	X4	0,8055	0,15084
	X5	3,1879	2,01811
Y = 1, Có nguy cơ phá sản ($n_2 = 143$)	X1	5,5480	2,10801
	X2	7,6316	1,22613
	X3	2,9119	1,37419
	X4	2,1671	1,07245
	X5	5,3271	0,86749
Tổng số (n = 220)	X1	5,0349	1,86534
	X2	5,6071	2,96741
	X3	2,0561	1,61696
	X4	1,6905	1,08506
	X5	4,5784	1,71671

Nguồn: Tính toán trên phần mềm SPSS 20.0



Hình 1. Phân phối tần suất canonical

Nguồn: Kết quả xuất từ phần mềm SPSS 20.0

Bảng 2. Kết quả các thước đo cho hai phiên bản

Biến	Không chuẩn hóa (y = 0)	Chuẩn hóa (Y = 1)	Trọng số Canonical	Wilks' Lambda	F
X1	0,117	0,203	0,131(5th)	0,859	35,834***
X2	0,806	0,870	0,831(1st)	0,132	437,869***
X3	0,232	0,260	0,339 (2nd)	0,477	238,573***
X4	0,371	0,323	0,243 (3rd)	0,640	122,560***
X5	0,253	0,350	0,240 (4th)	0,645	119,905***
Nhóm Centroid thấp			- 4.191		
Nhóm Centroid cao			2.257		
Wilk's Lamda			0,095 ***		
Canonical Correlation			0,951 = 90,44%		
Zcs			= (- 4.191*77+ 2.257 * 143)/220 = 0,044		

Ghi chú: *** Mức ý nghĩa thống kê 1%

Nguồn: Số liệu điều tra - phần mềm SPSS 20.0

Sau đó các hệ số của các biến phân tích được tính toán cho cả hai phiên bản chuẩn hóa và không chuẩn hóa (Nguyễn Khắc Minh, 2012). Để giải quyết biến phụ thuộc là biến giả thì thường có 2 sự lựa chọn: theo phân phối chuẩn và không theo phân phối chuẩn. Điều này được thể hiện qua hình 1 và bảng 2.

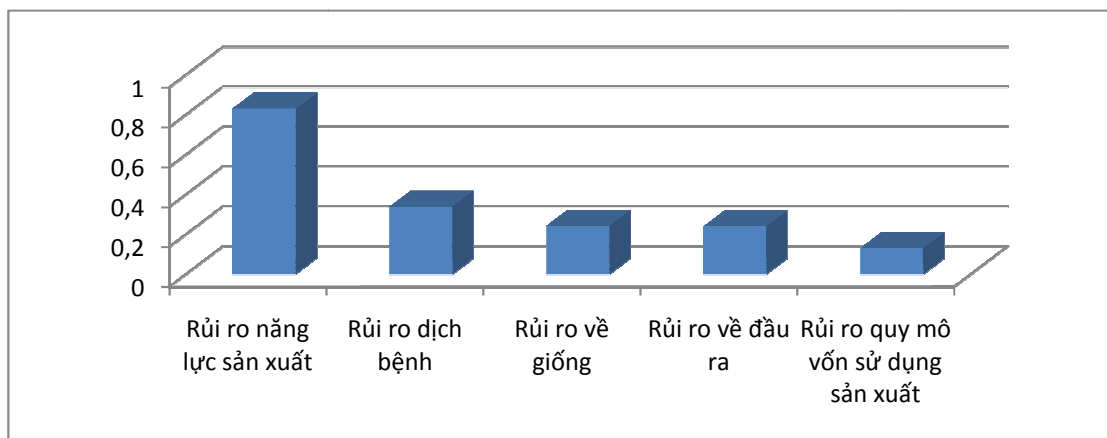
Các hệ số được tính toán cho cả hai phiên bản chuẩn hóa và không chuẩn hóa.

Tất cả các hệ số đều mang dấu dương cho thấy rủi ro càng cao, nguy cơ phá sản càng lớn. Do đó mô hình đã giải thích được 90,44% mức độ biến động của nguy cơ phá sản của trang trại sản xuất gia cầm. Mô hình cho biết ngưỡng

phân định giữa nguy cơ phá sản và không phá sản là $Z_{cs} = 0,044$ với Centroid low (không có nguy cơ phá sản) = -4,191 và Centroid high (có nguy cơ phá sản cao) = 2,257. Công thức tính chỉ số Z cho trang trại sản xuất gia cầm tại tỉnh Thái Bình.

$$Z = -7,372 + 0,117 X_1 + 0,806 X_2 + 0,232 X_3 + 0,371 X_4 + 0,253 X_5$$

Theo chỉ số ngưỡng phân định, trang trại có chỉ số $Z > 2,257$ sẽ nằm trong vùng lành mạnh; trang trại nằm trong vùng chưa rõ ràng khi $4,191 \leq Z \leq 2,257$ và $Z > -4,191$ trang trại nằm trong vùng phá sản. Bên cạnh đó mô hình Z-Score còn đánh giá các mức độ rủi ro (Hình 2)



Hình 2. Xếp hạng rủi ro cho các trang trại sản xuất gia cầm

Nguồn: Tính toán trên phần mềm SPSS 20.0

Ngoài ra Structure Matrix còn xếp hạng tầm ảnh hưởng của rủi ro tới nguy cơ phá sản của các trang trại, với thứ hạng đầu tiên thuộc về nhóm rủi ro năng lực sản xuất. Năng lực sản xuất của các trang trại, trình độ kỹ thuật chăn nuôi, kinh nghiệm sản xuất của các chủ trang trại được đề cao và xếp hạng thứ nhất khi xem xét đến mức độ phá sản của trang trại sản xuất gia cầm, đặc biệt trong điều kiện môi trường sản xuất còn nhiều rủi ro như hiện nay. Các trang trại thường có một quy trình sử dụng thức ăn trong đó việc lựa chọn sử dụng loại thức ăn, cách phối trộn thức ăn, quy trình cho ăn đều được tính toán rất kỹ. Trong khi đó, một số trang trại có quy mô nhỏ thì tận dụng tất cả các nguồn thức ăn có thể và rất khó để có thể quản lý được các nguồn thức ăn này. Ngoài ra, kỹ thuật chăn nuôi cũng là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến nguy cơ phá sản của trang trại. Thứ hai là rủi ro dịch bệnh. Điều này có thể lý giải từ thực trạng mô hình tăng trưởng dựa quá nhiều vào rủi ro dịch bệnh, khi dịch bệnh xảy ra càng nhiều thì nguy cơ phá sản càng cao. Đứng ở vị trí thứ ba, rủi ro về giống. Đa số trang trại quy mô nhỏ chọn mua giống tại chợ vì nó thuận lợi cho một số trang trại. Đây cũng là loại hình rất khó có thể quản lý được xuất xứ, nguồn gốc của giống và là loại hình ẩn chứa khả năng dẫn đến nguy cơ phá sản cao. Thứ tư là rủi ro đầu ra, đây chủ yếu là do giá sản phẩm đầu ra biến động đã ảnh hưởng không nhỏ đến nguy cơ phá sản của doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay đa số các trang trại đều có hợp đồng ký kết đầu ra và có nguồn tiêu thụ thân quen nên nguy cơ phá sản cũng được hạn chế hơn từ yếu tố này.

Một điều khá lý thú là rủi ro quy mô vốn sử dụng sản xuất lại xếp thứ 5 và đứng cuối trong xếp hạng 5 nhóm rủi ro. Điều này chứng tỏ rủi ro quy mô vốn sử dụng sản xuất mới chỉ là nhóm nhân tố ảnh hưởng đến nguy cơ phá sản của các trang trại và nguy cơ này chỉ được thể hiện rõ trong những điều kiện nhất định (hạn chế thuốc thú y, điều kiện chăn nuôi kém, năng lực sản xuất hạn chế...). Không những thế, bản thân của những bất thường trong điều kiện môi trường hiện nay cũng là những vấn đề lo ngại. Nói cách khác, chi phí liên quan tới việc thay đổi quá thường xuyên khi chính sách thay đổi, môi trường sản xuất, tiêu thụ không thuận lợi cũng là những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến rủi ro phá sản của các trang trại sản xuất gia cầm tại điểm nghiên cứu.

3.2. Vận dụng mô hình Z-Score trong quản trị rủi ro tại huyện Kiến Xương

3.2.1. Khái quát tình hình chăn nuôi

Kiến Xương là huyện nằm phía Đông Nam của thành phố Thái Bình, diện tích đất tự nhiên trên 213 km², dân số 214,5 nghìn người, mật độ trung bình 1.002 người/km². So với các huyện khác, Kiến Xương có vị trí địa lý tương đối thuận lợi, trung tâm huyện cách thành phố Thái Bình 13 km và là một trong những huyện có quy mô đàn gia cầm lớn. Trong 3 năm gần đây quy mô đàn gia cầm tăng cao do huyện có chính sách chăn nuôi tập trung theo trang trại, gia trại quy mô lớn (Bảng 3).

Bảng 3. Quy mô đàn gia cầm huyện trong giai đoạn năm 2013 - 2015 (ĐVT: Con)

Đàn gia cầm	Xã An Bồi			Xã Quang Minh			Xã Hồng Tiến		
	2013	2014	2015	2013	2014	2015	2013	2014	2015
I. Gà	1.490.500	1.626.373	2.168.500	1.390.772	1.927.989	2.332.498	1.411.910	2.008.922	2.495.910
1. Gà lấy thịt	5500	6025	8340	5132	7139	8238	5210	7782	9210
2. Gà lấy trứng	1.485.000	1.620.348	2.160.160	1.385.640	1.920.850	2.324.260	1.406.700	2.001.140	2.486.700
II. Thủy cầm	338750	585303	1012988	385.522	795.927	1.036.110	569.1	684.66	1.041.209
1. Lầy thịt	1250	2193	3728	1382	2937	3825	2100	2460	3879
2. Lầy trứng	337.55	583.11	1.009.260	384.14	792.99	1.032.285	567	682.2	1.037.330
Tổng đàn gia cầm	1.829.250	2.211.676	3.181.488	1.776.294	2.723.916	3.368.608	5.586.554	7.629.174	10.087.215

Nguồn: Phòng NN& PTNT

Bảng 4. Thông tin chung về chủ trang trại, gia trại sản xuất gia cầm

Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng
1. Số hộ điều tra	hộ	61
2. Giới tính chủ hộ		
Nam	%	88
Nữ	%	12
3. Trình độ chuyên môn của chủ hộ		
Đại học, cao đẳng	người	5
Trung cấp nghề	người	8
Sơ cấp nghề	người	13
Đã đào tạo nhưng không có chứng chỉ	người	26
Chưa qua đào tạo	người	9

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2016

Xã An Bồi và xã Quang Minh, 2 xã đại diện cho các trang trại chăn nuôi với quy mô vừa và lớn đều có xu hướng tăng mạnh do các trang trại chăn nuôi điển hình trong mỗi xã đều nâng mức quy mô đàn con.

Thông tin chủ trang trại là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tình hình sản xuất gia cầm. Tình hình thông tin chung về chủ trang trại, gia trại được thể hiện ở bảng 4.

Do đặc tính của ngành sản xuất chăn nuôi tương đối vất vả nên đại đa số chủ gia trại, trang trại sản xuất chăn nuôi là nam giới. Đối với các trang trại có quy mô lớn, các doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp thì chủ trang trại thường không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất chăn nuôi, thay vào đó họ có cả một hệ thống công nhân viên, kỹ sư và người quản lý hoạt động như một mô hình doanh nghiệp kinh doanh bình thường khác. Đối với các trang trại nhỏ, gia trại thì đa số các chủ trang trại cũng là người trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất chăn nuôi, họ trực tiếp quyết định quy mô chăn nuôi từ khâu chọn giống, tính toán lượng thức ăn. Nhìn chung các chủ trang trại, gia trại đã qua đào tạo và có trình độ chuyên môn nhất định (15,16% chưa qua đào tạo). Việc sản xuất chăn nuôi trên địa bàn huyện nhìn chung vẫn còn manh mún thiếu tính chất chuyên nghiệp.

3.2.2. Vận dụng mô hình Z-Score

Qua nghiên cứu và điều tra về tình hình sản xuất gia cầm trên địa bàn huyện theo mô

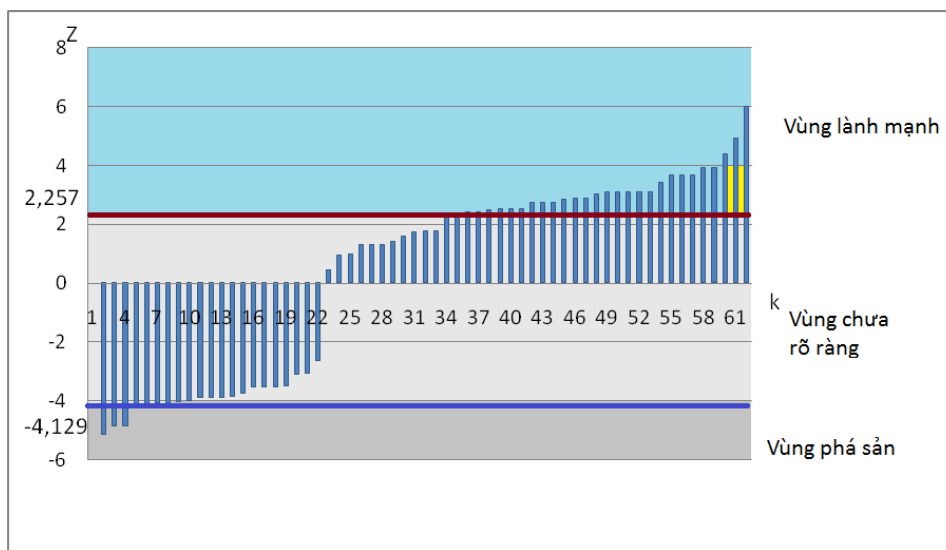
hình Z-Score (Hình 3)

(1) Vùng lành mạnh

Có 34% trang trại nằm trong vùng lành mạnh là do đã biết nhìn xa, trông rộng, đầu tư trang thiết bị đầy đủ, khoa học, hợp lý; chọn con giống tại các trung tâm có nguồn gốc rõ ràng, đã được tiêm phòng bệnh (bệnh cúm) và được đảm bảo về chất lượng giống. Trang trại nằm trong vùng lành mạnh chủ yếu là do có người kỹ thuật viên giỏi, luôn nhanh nhạy nắm bắt tình hình, biết xử lý khoa học, hợp lý mỗi khi có sự cố hoặc dịch bệnh xảy ra. Những người chủ trang trại luôn chủ động tìm hiểu, phòng ngừa và đối phó kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra.

(2) Vùng chưa rõ ràng và vùng phá sản

Xét trên địa bàn toàn huyện, 59% trang trại trong vùng chưa rõ ràng và 7% trong vùng phá sản cho thấy các trang trại chưa thật sự hiệu quả và còn tồn tại một số yếu tố có thể dẫn đến rủi ro trong chăn nuôi. Theo kết quả điều tra chỉ có 17,3% trang trại xây dựng chuồng nuôi tương đối tuân thủ điều kiện về phòng chống cúm gia cầm, còn lại các trang trại xây dựng chuồng nuôi không theo tiêu chuẩn phòng bệnh. Chủ yếu là do các trang trại chăn nuôi thiếu quỹ đất dùng cho xây dựng chuồng nuôi đảm bảo các điều kiện phòng bệnh khi có dịch bệnh xảy ra, chuồng nuôi đã xây dựng từ trước kia, chưa có kinh phí để tu sửa lại, các hộ không quan tâm đến công tác chuẩn bị chuồng trại đều trên cơ sở tận dụng.



Hình 3. Chỉ số Z của các trang trại tại huyện Kiến Xương, Thái Bình

Nguồn: Số liệu điều tra, 2016

Hộp 1. Thiệt hại từ rủi ro trong việc chọn giống đầu vào

Trang trại chăn nuôi gia cầm của anh Trần Văn Tiến tại Thôn Tân Hưng, xã An Bồi cho biết, đầu năm 2013, trang trại của anh có đầu tư mua khoảng 2.000 con giống gà đẻ từ thương lái Trung Quốc. Sau khi đưa con giống về trang trại được khoảng 2 tuần, đàn gà bắt đầu xuất hiện những biểu hiện lạ như có khoảng 100 con giống ốm yếu, không ăn được buộc phải cách ly, một số con xuất hiện những đốm đỏ trong miệng,... đã buộc chủ trang trại tìm đến cơ sở dịch bệnh trên địa bàn Huyện. Chính điều này đã làm cho Trang trại chăn nuôi của anh Tiến rơi vào tình trạng hoang mang, gây thiệt hại không nhỏ cho trang trại chăn nuôi của anh.

Nguồn: Thông tin điều tra, 2016

Rủi ro về giống: Trong các trang trại điều tra có 34,64% gia trại, trang trại mua giống tại các lò ấp tư nhân. Các trang trại này cho rằng mua giống ở các lò ấp tư nhân vừa gần nhà mà lại tiết kiệm được chi phí, thời gian và công sức. Tuy nhiên, qua nghiên cứu và tìm hiểu thì giống tại các lò ấp tư nhân này chưa tốt, vì xuất hiện những giống gia cầm chưa rõ nguồn gốc xuất xứ - đây cũng là mối lo cho người dân và cũng là một trong những nguyên nhân khiến trang trại này nằm trong vùng chưa rõ ràng. Anh Tiến chủ trang trại quy mô gia cầm lớn tại xã An Bồi huyện Kiến Xương là một trường hợp cụ thể bị thiệt hại kinh tế từ việc chọn giống gia cầm không rõ nguồn gốc xuất xứ (Hộp 1).

Rủi ro từ giá: Đa số là những trang trại gia

trại có quy mô nhỏ chịu những rủi ro về rớt giá theo mùa vụ. Bên cạnh đó giá gà đẻ trong giai đoạn vào mùa vụ, cũng phân chia làm 3 giai đoạn, tuy nhiên giá bình quân chung đắt hơn so với những trang trại có quy mô lớn trong vùng.

3.2.3. Đề xuất một số giải pháp giảm nguy cơ phá sản

(1) Nâng cao nhận thức của hộ về kỹ thuật, thị trường và rủi ro

Quá trình phát triển sản xuất chính là quá trình tiếp cận với rủi ro. Việc nâng cao nhận thức về kỹ thuật chăn nuôi, thị trường và rủi ro sẽ giúp cho các trang trại thích ứng với rủi ro, nhằm tạo sự chủ động cho họ trước rủi ro và có một phương pháp quản lý rủi ro hợp lý nhất,

hiệu quả nhất. Tiếp cận đầy đủ những thông tin và học hỏi kinh nghiệm sẽ có sự tổng hợp so sánh và bổ sung cho nhau để nâng cao trình độ, nhận thức trong sản xuất.

(2) Tự bảo hiểm trong sản xuất chăn nuôi

Khi các rủi ro xảy ra nhiều và có xu hướng lựa chọn giống gia cầm hay loại vật nuôi có năng suất cao và mang tính ổn định, những giống gia cầm quen thuộc từ đó khả năng kiểm soát rủi ro sẽ tốt hơn. Trong khi các giống gia cầm trên địa bàn mang tính hàng hóa cao hơn thì việc tự bảo hiểm lấn sang những loại gia cầm có thu nhập kỳ vọng cao nhưng có mức độ mạo hiểm lớn sang loại gia cầm có tính chất kỳ vọng thấp nhưng chắc chắn chính là chi phí cho việc tự bảo hiểm. Tự bảo hiểm trong sản xuất là phương án tốt nên khuyến khích các trang trại sử dụng trong chăn nuôi.

(3) Tiếp cận bảo hiểm nông nghiệp

Nhìn chung bảo hiểm nông nghiệp còn chưa phổ biến vì người làm nông nghiệp chưa có thói quen tham gia bảo hiểm, chưa tin tưởng, chưa có nhận thức đầy đủ về lợi ích và vai trò của bảo hiểm trong việc duy trì phát triển sản xuất, hơn nữa họ không có đủ khả năng tài chính để tham gia bảo hiểm, chi phí cho bảo hiểm lớn, khó khăn trong việc kiểm tra, giám định tổn thất, thủ tục phiền hà. Các trang trại nên tiếp cận bảo hiểm nông nghiệp theo các hình thức sau: Áp dụng hình thức bảo hiểm sử dụng giống mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật và những giống gia cầm cao cấp để sản xuất, từ đó chủ trang trại sẽ tiếp cận với những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới; Hoặc bảo hiểm hỗ trợ đầu ra cho người sản xuất, đặc biệt là đối với sản xuất gia cầm theo hướng an toàn sinh học.

(4) Liên kết giữa các nhà trong sản xuất, tiêu thụ đảm bảo điều tiết sản xuất sản phẩm

Sự gắn kết giữa các nhà trong sản xuất và tiêu thụ là điều quan trọng để điều tiết sản xuất sản phẩm. Với biện pháp liên kết trong sản xuất - tiêu thụ này rất có tác dụng hạn chế những rủi ro đầu vào, đầu ra giúp họ yên tâm trong đầu tư sản xuất và khi đó việc sản xuất chăn nuôi gia cầm cũng hạn chế được tối đa những rủi ro có thể gặp phải. Qua điều tra cho thấy rủi ro do

biến động giá cả là rủi ro rất khó kiểm soát và xuất hiện ở hầu hết các trang trại chăn nuôi gia cầm. Do vậy những công cụ như hợp đồng, thỏa thuận miệng, quan hệ lâu năm giữ uy tín sẽ hạn chế được rủi ro do biến động giá.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã xây dựng chỉ số Z cho các trang trại chăn nuôi gia cầm tại tỉnh Thái Bình

$$Z = - 7,372 + 0,117 X_1 + 0,806 X_2 + 0,232 X_3 + 0,371 X_4 + 0,253 X_5$$

Trang trại có chỉ số $Z > -4,192$ sẽ nằm trong vùng phá sản, trang trại nằm trong vùng lành mạnh khi $Z > 2,257$ và chỉ số $-4,191 \leq Z \leq 2,257$ trang trại nằm trong diện cảnh báo có nguy cơ phá sản và nằm trong vùng rõ ràng. Nguy cơ phá sản của các trang trại chăn nuôi gia cầm tại tỉnh Thái Bình dựa theo 5 nhóm nhân tố và được xếp theo mức độ giảm dần: Rủi ro năng lực sản xuất, Rủi ro giống, Rủi ro dịch bệnh, Rủi ro về đầu ra, Rủi ro quy mô sử dụng vốn sản xuất.

Vận dụng mô hình này tại huyện Kiến Xương, Thái Bình để tính tỷ trọng và phân vùng, kết quả cho thấy 34% trang trại nằm trong vùng lành mạnh đa số là trang trại có quy mô lớn đầu tư trang thiết bị đầy đủ, khoa học, hợp lý và có kỹ thuật viên giỏi biết. Những trang trại nằm trong vùng chưa rõ ràng (59%) và trong vùng phá sản (7%) là do trang trại, gia trại chưa thật sự đạt được hiệu quả và còn tồn tại một số yếu tố dẫn đến rủi ro trong chăn nuôi như rủi ro về giống đầu vào, giá đầu ra.

Để giảm nguy cơ phá sản các trang trại chăn nuôi gia cầm tại tỉnh Thái Bình nên áp dụng các giải pháp: (1) Nâng cao nhận thức chủ trang trại về kỹ thuật, thị trường và rủi ro; (2) Tự bảo hiểm trong sản xuất; (3) Tiếp cận bảo hiểm nông nghiệp trong đảm bảo giống; (4) Liên kết giữa các nhà trong sản xuất, tiêu thụ đảm bảo điều tiết sản xuất sản phẩm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Altman, E. I. (2000). "Predicting Financial Distress of Companies: Revisiting the Z-Score and Zeta

- Models". Working Paper, Dept. of Finance, NYU, July 2000.
- Nguyễn Khắc Minh (2012). Tài liệu chương trình giảng dạy kinh tế lượng cao cấp. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
- Browner, W. S., and Newman, T. B. (1987). Are all significant p values created equal. The analogy between diagnostic tests and clinical research. *Jama*, 257(18): 2459 - 2463.
- Phòng Nông nghiệp & PTNT, UBND huyện Kiến Xương (2013). Báo cáo chương trình công tác năm 2013. Số: 01/CTr - NN&PTNT.
- Phòng Nông nghiệp & PTNT, UBND huyện Kiến Xương (2014). Báo cáo chương trình công tác năm 2014. Số: 01/CTr - NN&PTNT.
- Phòng Nông nghiệp & PTNT, UBND huyện Kiến Xương (2015). Báo cáo chương trình công tác năm 2015. Số: 01/CTr - NN&PTNT.